

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2020/DSST

Ngày: 16 - 9 - 2020

V/v tranh chấp quyền sử
dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lực.
2. Ông Bùi Thanh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Phú Quý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Duy - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 112/2019/TLST- DS, ngày 08 tháng 4 năm 2019 về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2020/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 120/2020/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Kim A, sinh năm: 1941, địa chỉ: ấp AP, xã Đ, huyện L, tỉnh Đ.

* Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1986, địa chỉ: khóm BT, TT.L, huyện L, tỉnh Đ là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (theo văn bản uỷ quyền ngày 12 tháng 9 năm 2019) (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp AP, xã Đ, huyện L, tỉnh Đ; (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị Trúc N, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp AP, xã Đ, huyện L, tỉnh Đ (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Cẩm V, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp AP, xã Đ, huyện L, tỉnh Đ (vắng mặt).

3. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1999; địa chỉ: ấp AP, xã Đ, huyện L, tỉnh Đ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 12 năm 2018 của nguyên đơn bà Lê Thị Kim A và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tr trình bày:

Toàn bộ phần đất tại thửa số 60, tờ bản đồ số 54, đất tọa lạc tại ấp AP, xã Đ, huyện L, tỉnh Đ trước đây là của ông Đoàn Văn H3 cho cha chồng của bà A sử dụng từ trước năm 1945. Đến năm 1975, cha chồng của bà A cho vợ chồng bà A toàn bộ diện tích đất trên, vợ chồng bà A có cho mẹ ông H cất 01 căn nhà để ở, diện tích trong phạm vi căn nhà hiện nay ông H đang ở, phần còn lại thì vợ chồng bà A sử dụng. Đến năm 1994, thì bà A cho ông Huỳnh Thanh H cất 01 căn nhà chiều ngang 3,5m chiều dài 10m, phần còn lại thì bà A tiếp tục sử dụng, vì phần đất còn lại giáp với thửa đất liền kề của bà A. Đến ngày 06/6/2015, ông H1 được nhà nước cấp 01 nền ở khu dân cư Dầu Bé để ở, sau khi ông H1 di dời nhà thì ông H1 có làm giấy tay trả lại đất cho bà A và có nhận tiền hỗ trợ 10.000.000đ từ bà A. Trước đó, năm 2014 gia đình ông H có kê cây làm một sân nước để rửa chén bát phía sau lưng nhà của ông H1 đang ở trên phần đất của bà A, vì ông H kê sân nước diện tích nhỏ không kiên cố có thể di dời được nên gia đình bà A để cho ông H sử dụng tạm. Đến tháng 9/2017 thì ông H ngang nhiên xây gạch, tôn nền lót dal kiên cố và trồng thêm một cây xoài trên phần đất ông H1 đã trả lại cho bà A thì bà A làm đơn khiếu nại đến UBND huyện Lấp Vò nhờ giải quyết. UBND huyện Lấp Vò có Công văn số 01/UBND-TCĐ ngày 26/01/2018 trả lời: Diện tích đất tranh chấp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên trên phần đất này có một sân nước với kết cấu xây gạch, sân lót dal được ông H sử dụng vào khoảng năm 2014 và 01 cây xoài do ông H trồng được khoảng một năm. UBND huyện Lấp Vò đề nghị bà A gửi đơn khởi kiện tranh chấp đất đến Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò. Do đó, bà A làm đơn khởi kiện ông H ra Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò giải quyết buộc gia đình ông Nguyễn Văn H di dời sân nước và cây trồng trên đất để trả lại cho bà A diện tích đất bao chiếm là 10,4m² trong chu vi các mốc M7, M8, M9, M4 về M7 theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 02/4/2020, bổ sung ngày 28/7/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò.

Phía bà A thống nhất theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò, về giá đất thống nhất giá đất là 100.000đ/m². Về sân nước và cây ông H trồng trên đất thống nhất không yêu cầu định giá.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông

Nguyễn Văn H trình bày:

Toàn bộ diện tích đất tại thửa số 60, tờ bản đồ số 54, đất tọa lạc tại ấp AP, xã Đ, huyện L, tỉnh Đ có nguồn gốc là của ông Bảy H3 (chết đã lâu không nhớ, hiện nay còn con của ông H3 là út Tảo và út Th ở gần đó) cho gia đình ông H sử dụng từ trước năm 1975 cho đến nay. Trên phần đất này có 01 căn nhà chính của cha mẹ ông H, 01 căn nhà phụ (ở phía sau nhà chính) của chị ruột ông H là chị D và một căn nhà của ông Huỳnh Thanh H1 (anh của ông H). Hiện trạng phần đất này hiện chỉ còn lại căn nhà chính và căn nhà phụ thì ông H sử dụng. Riêng phần căn nhà của ông Huỳnh Thanh H1 đã thỏa thuận giao lại cho bà A. Phần diện tích đất mà bà A đang tranh chấp được đây chị của ông H là bà D có sử dụng một sào nước để rửa chén, bát, sau khi bà D được cấp nền ở khu dân cư (khoảng năm 2015) thì bà D dời nhà đi để lại cho gia đình của ông H sử dụng cho đến nay. Hiện nay bà D đã chết khoảng 05 năm nay. Toàn bộ phần diện tích đất gồm nhà của ông H hiện nay đang ở và phần đất mà bà A đang có tranh chấp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay ông H không đồng ý trả lại đất là 10,4m² trong chu vi các (mốc M7, M8, M9, M4 về M7) theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 02/4/2020, bổ sung ngày 28/7/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò theo như yêu cầu của bà A vì phần diện tích đất này gia đình của ông H sử dụng từ trước đến nay. Sào nước thì gia đình ông H sử dụng từ lâu nhưng không nhớ cụ thể là vào thời gian nào. Khi sử dụng gia đình ông H chỉ làm tạm bợ là cây và ván tạp. Trước khi bà D dời nhà lên khu dân cư, ông H không nhớ cụ thể thời gian nhưng khoảng cùng thời gian với ông H1 thì ông H sửa lại nhà do dư vật tư nên ông H xây gạch lát đan kiên cố như hiện nay. Còn cây trên đất thì sau khi ông H1 di dời nhà thấy đất bỏ trống nên ông H có trồng một số cây như xoài và chuối nhưng sau khi biết bà A được sử dụng diện tích đất do ông H1 để lại thì ông H không chăm sóc cây nữa nên cây không phát triển. Ông H thừa nhận phần diện tích đất mà ông H1 đã làm giấy để lại cho bà A là của bà A, ông H không có tranh chấp.

Anh Hết thống nhất theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò, về giá đất thống nhất giá đất là 100.000đ/m². Về sào nước và cây trồng trên đất ông H thống nhất không yêu cầu định giá. Nếu Tòa án xét xử đất thuộc về bà A thì ông H sẽ tự nguyện di dời tài sản có trên đất để giao đất cho bà A.

- Anh Nguyễn Văn Ph trình bày: Anh Phi thống nhất lời trình bày của ông Nguyễn Văn H không bổ sung gì thêm.

- Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký phiên toà từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng quyan hệ tranh chấp và tư cách đương sự trong vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình

theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa.

Về giải quyết vụ án: Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho thấy phần diện tích đất tranh chấp là $10,4m^2$ thể hiện trên sơ đồ đo đạc ngày 02/4/2020 và ngày 28/7/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò trong chu vi các mốc M4, M7, M10, M8, M9, M11 về M4 trong đó có diện tích sản nước là $3,6m^2$ thuộc một phần thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54, đất tọa lạc tại ấp AP, xã Đ, huyện L, tỉnh Đ.

Nguyên đơn và bị đơn đều trình bày phần diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông Đoàn Văn H3 (Bảy H3). Nguyên đơn và bị đơn không ai đưa ra được chứng cứ chứng minh nguồn gốc đất tranh chấp mà mình trình bày, chỉ đưa ra được lời khai của anh Đoàn Văn T là con của ông H3. Căn cứ vào Công văn số 771 ngày 10/6/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò cung cấp thông tin thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54 không thể hiện tên người sử dụng, quản lý, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án tờ trả đất ngày 06/6/2015 giữa nguyên đơn với ông Huỳnh Thanh H1, nội dung thể hiện ông H1 trả cho bà A phần đất có diện tích $3,5m \times 10m$. Qua lấy lời khai của ông H1 ngày 06/7/2020 thể hiện diện tích đất ông H1 để lại cho bà A phần diện tích đất ông H1 sử dụng từ trước đến nay có chiều ngang $3,5m$ x dài $10m$ (từ ngoài lộ trở vào đến sản nước mà ông H sử dụng hiện nay. Sản nước mà bà A đang tranh chấp với ông H là do mẹ của ông H1 xây dựng và sử dụng cho đến nay). Tại Công văn số 01 ngày 26/01/2018 UBND huyện Lấp Vò trả lời đơn của bà A có nội dung phần đất của bà A tranh chấp với ông H có 01 sản nước có kết cấu xây gạch, sản lót dal được ông H sử dụng từ năm 2014 và 01 cây xoài trồng khoảng 1 năm. Từ đó, cho thấy phần diện tích đất tranh chấp trong đó có diện tích sản nước là $3,6m^2$ được ông H sử dụng ổn định từ trước khi ông H1 trả đất theo tờ trả đất ngày 06/6/2015 mà nguyên đơn cung cấp.

Tại Công văn số 457 ngày 13/8/2020 của UBND xã Định An: Thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54, đất tọa lạc tại ấp AP, xã Đ, huyện L, tỉnh Đ có một phần diện tích đất tranh chấp giữa bà A và ông H và một phần diện tích đất do ông H quản lý, sử dụng xây nhà ở. Thửa đất này không thuộc quản lý của Nhà nước, người đang quản lý, sử dụng thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với diện tích đất tranh chấp còn lại thể hiện trong chu vi các mốc M10, M8, M9, M11 về M10 diện tích $6,8m^2$ có 01 cây trồng trên đất được ông H trồng khoảng năm 2017, ông H thừa nhận ông H trồng trên phần đất của ông H1, sau khi ông H1 đã dời nhà đi.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy, việc nguyên đơn bà Lê Thị Kim A yêu cầu ông H trả lại diện tích đất tranh chấp $10,4m^2$ thuộc một phần thửa đất số

60, tờ bản đồ số 54 đất tọa lạc tại ấp An Phong, xã Định An, huyện Lấp Vò theo sơ đồ đo đạc ngày 02/4/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò là không có căn cứ, chỉ chấp nhận một phần diện tích đất tranh chấp. Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 12, Điều 166 Luật đất đai năm 2013 xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Lê Thị Kim A, buộc ông Nguyễn Văn H trả lại một phần diện tích đất thể hiện tại các mốc M10, M8, M9, M11 về M10 diện tích 6,8m² (trừ đi diện tích sản nước mà ông H đang sử dụng) theo sơ đồ đo đạc ngày 02/4/2020 và ngày 28/7/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò và di dời toàn bộ vật kiến trúc có trên đất để trả lại đất cho bà A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất nên quan hệ tranh chấp được xác định là “tranh chấp về quyền sử dụng đất” được quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Diện tích đất tranh chấp thuộc huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp nên theo quy định điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Các đương sự đều thống nhất các tài liệu, chứng cứ của vụ án đã giao nộp đầy đủ, không cung cấp gì thêm và được Tòa án công khai đúng thủ tục. Qua hòa giải các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị Trúc N và chị Nguyễn Thị Cẩm V. Mặc dù, đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguồn gốc đất tranh chấp: Các bên đương sự đều thừa nhận toàn bộ thửa đất số 60, tờ bản đồ số 54, đất tọa lạc tại ấp AP, xã Đ, huyện L, tỉnh Đ có nguồn gốc là của ông Đoàn Văn H3 nhưng đến nay chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Phần diện tích đất tại thửa 60 này gồm hai phần, một phần gia đình ông H sử dụng cất nhà ở từ trước năm 1975 (phần diện tích đất này không có tranh chấp) và phần còn lại được thể hiện qua các mốc M1, M2, M3, M7, M4, M9, M5, M6 về M1 diện tích 81,7m² trong đó có phần diện tích đất đang tranh chấp tại các mốc M4, M7, M10, M11 về M4 diện tích 10,4m² hiện nay bà A đang tranh chấp với ông H.

[2.2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện: Phần diện tích đất tranh chấp là $10,4m^2$ trong chu vi các mốc M7, M8, M9, M4 về M7 theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 02/4/2020, bổ sung ngày 28/7/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò thuộc một phần thửa số 60, tờ bản đồ số 54, lạc tại ấp AP, xã Đ, huyện L, tỉnh Đ. Trên đất có 01 cây xoài và 01 sào nước của gia đình ông H đang sử dụng. Theo ông H trình bày thì về cây trên đất ông H trồng sau khi ông H1 di dời nhà đi nơi khác bỏ lại đất trống nên ông H trồng cây thêm. Còn sào nước thì trước kia chị của ông H là bà D sử dụng, chỉ kê cây làm sào nước để rửa chén bát. Trước khi bà D di dời nhà khoảng năm thì ông H sửa chữa lại để sử dụng cho đến nay. Còn phía bà A cho rằng: Toàn bộ phần đất thể hiện qua các mốc M1, M2, M3, M7, M4, M9, M5, M6 về M1 diện tích $81,7m^2$ trong đó có phần diện tích đất đang tranh chấp tại các mốc M4, M7, M10, M11 về M4 diện tích $10,4m^2$ là của bà A. Vào năm 1994 bà A cho ông H1 được cất nhà ở tạm trên một phần diện tích đất trên. Phần còn lại thì gia đình bà A vẫn sử dụng làm đường nước để sử dụng. Đến khoảng năm 2014, ông H mới làm một sào nước để rửa chén, bát trên phần đất còn lại của bà A. Lúc làm sào nước bà A thấy ông H kê sào nước diện tích nhỏ không kiên cố có thể di dời được nên gia đình bà A để cho ông H sử dụng tạm. Đến tháng 9/2017 thì ông H ngang nhiên xây gạch, tôn nền lót đan kiên cố và trồng thêm một cây xoài tại nền nhà của ông H1 để lại nên bà A làm đơn khiếu nại đến UBND huyện Lấp Vò nhờ giải quyết nhưng Ủy ban cho rằng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2.3] Xét nguồn gốc đất số 60, tờ bản đồ số 54 là của ông Đoàn Văn H3 cho gia đình bà A ở một phần và gia đình của ông H ở một phần. Phần của gia đình ông H thì gia đình ông H đã cất nhà ở ổn định từ trước đến nay. Phần của gia đình bà A, thì bà A ở một thời gian thì bà A cho gia đình ông Huỳnh Thanh H1 cất nhà ở tạm. Sau khi gia đình ông H1 được nhà nước cấp nhà ở khu dân cư thì gia đình ông H1 đã trả lại đất cho bà A và gia đình bà A có hỗ trợ chi phí di dời nhà cho ông H1 là 10.000.000đ được thể hiện trong tờ trả đất ngày 06/6/2015 và phù hợp với lời khai của anh T và chị Th là các con của ông Hoàng.

[2.4] Xét “Tờ trả đất” đề ngày 06/6/2015, thể hiện ông H1 và bà Kh trả đất cho bà A diện tích $3,5m \times 10m$ mà không phải trả hết diện tích đất là do ông H1 chỉ cất nhà ở nhờ $3,5m \times 10m$ nên ông H1, bà Kh trả lại diện tích đất trên và ông H1, bà Kh cũng thừa nhận là ông bà sử dụng phần diện tích đất từ ngoài lộ vào đến giáp mí đan sào nước mà ông H sử dụng. Mặc dù, bà Kh và ông H1 (ông H1 là anh của ông H) cho rằng sau khi ông H1 không sử dụng nữa thì đã nhượng lại cho bà A sử dụng. Tuy nhiên, căn cứ vào tờ trả đất thể hiện ông H1 ở đậu trên đất của bà A chứ không phải là tờ sang nhượng đất và việc ông H1 và bà Kh được cấp đất tại khu dân cư là do ông H1 không có đất nên UBND xã mới xét cho vào khu dân cư. Do đó, lời trình bày của ông H1 về việc nhượng lại đất cho bà A là không phù hợp.

[2.5] Ông Nguyễn Văn H cho rằng phần diện tích đất tranh chấp này gia đình ông H đã sử dụng từ lâu nhưng không nhớ vào năm nào và ông H không có chứng cứ để chứng minh. Căn cứ vào Công văn số 01/UBND-TCĐ ngày 26/01/2018 của UBND huyện Lập Vò trả lời đơn của bà Lê Thị Kim A thể hiện trên phần đất tranh chấp có một sào nước do ông H sử dụng vào năm 2014 và một cây xoài do ông H trồng được khoảng một năm. Tại biên bản hoà giải ngày 15/11/2018, Hội đồng hoà giải xã Định An cũng có ý kiến phần diện tích đất tranh chấp trước kia do gia đình bà A sử dụng và vận động ông H trả lại đất hoặc trả giá trị đất cho bà A.

Như vậy, có căn cứ xác định: Toàn bộ phần đất thể hiện qua các mốc M1, M2, M3, M7, M4, M9, M5, M6 về M1 diện tích 81,7m² trong đó có phần diện tích đất đang tranh chấp tại các mốc M4, M7, M10, M11 về M4 diện tích 10,4m² là của bà A. Do đó, bà A yêu cầu gia đình ông H có nghĩa vụ trả lại diện tích đất trên cho bà A là phù hợp nên chấp nhận.

Tại Công văn số 457/UBND-HC ngày 13 tháng 8 năm 2020, UBND xã Định An cung cấp thông tin về quyền sử dụng đất như sau: Thửa đất số 60 tờ bản đồ số 54, đất tọa lạc tại ấp AP, xã Đ, huyện L, tỉnh Đ có một phần ông Nguyễn Văn H đang quản lý sử dụng, một phần đang tranh chấp với bà A. Thửa đất này không thuộc quản lý của Nhà nước, người đang quản lý, sử dụng thì được cấp giấy.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 20/12/2016, buộc ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà A được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi.

[4] Nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng khác: Về chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản là 2.054.000đ (Hai triệu không trăm năm mươi bốn nghìn đồng). Ông Nguyễn Văn H phải chịu. Số tiền này bà A đã nộp tạm ứng trước nên ông H phải nộp để trả lại cho bà A.

[5] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Vò chỉ phù hợp một phần như đã phân tích ở trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 256 Bộ luật dân sự; Điều 12, Điều 100, Điều 166 và Điều 203 Luật đất đai.

- Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim A.

Buộc ông Nguyễn Văn H gồm: Ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị Trúc N, bà Nguyễn Thị Cẩm V và anh Nguyễn Văn Ph có nghĩa vụ di dời toàn bộ tài sản, vật kiến trúc, cây trồng có trên đất để trả cho bà Lê Thị Kim A diện tích đất là 10,4m² trong chu vi các mốc M7, M8, M9, M4 về M7 theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 02/4/2020, bổ sung ngày 28/7/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lập Vò thuộc một phần thửa số 60, tờ bản đồ số 54, đất tọa lạc tại ấp AP, xã Đ, huyện L, tỉnh Đ.

Các đương sự được đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất theo quy định.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lập Vò và sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 02/4/2020, bổ sung ngày 28/7/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lập Vò).

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về chi phí tố tụng: Số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc là 2.054.000đ (Hai triệu không trăm năm mươi bốn nghìn đồng). Buộc ông Nguyễn Văn H phải nộp để trả lại cho bà Lê Thị Kim A vì bà A đã nộp tạm ứng trước.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Các đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lập Vò;
- Chi cục THADS H.Lập Vò;
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Văn Nội